

Số: **32** /2022/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **16** tháng **11** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án đối với các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ các Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2491/TTr-SXD ngày 08/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định về nội dung, phương pháp xác định, mức hỗ trợ chi phí chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án đối với các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2021-2025.

2. Đối tượng áp dụng: Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Nội dung, phương pháp xác định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư

1. Chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư bao gồm:

a) Chi phí khảo sát xây dựng (nếu có);

b) Chi phí lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản của Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển thôn;

c) Chi phí thẩm định hồ sơ xây dựng công trình đơn giản của Tổ thẩm định do Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập hoặc của cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao thực hiện việc thẩm định (trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không đủ năng lực thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình).

2. Phương pháp xác định:

a) Chi phí khảo sát xây dựng (nếu có): Chi phí khảo sát xây dựng phục vụ lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản được xác định bằng cách lập dự toán theo hướng dẫn tại **Phụ lục V** ban hành kèm theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

b) Chi phí lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản được xác định:

Đối với công trình đơn giản, có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có đã áp dụng trên địa bàn cấp huyện là **1,05%** nhân với chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong dự toán xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối thiểu không nhỏ hơn **2.000.000 đồng** (Hai triệu đồng).

c) Chi phí thẩm định hồ sơ xây dựng công trình đơn giản:

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định định mức, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở và Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định định mức, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán, chi phí thẩm định hồ sơ xây dựng công trình đơn giản bằng **0,145%** nhân với tổng mức đầu tư dự án, áp dụng đối với tất cả các loại công trình.

Điều 3. Nội dung, phương pháp xác định chi phí hỗ trợ quản lý dự án

1. Nội dung chi phí hỗ trợ quản lý dự án

Chi phí tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng được hỗ trợ là toàn bộ các chi phí hỗ trợ để thực hiện các công việc sau: Tổ chức lựa chọn nhà thầu; quản lý hợp đồng; quản lý khối lượng, chất lượng, chi phí đầu tư xây dựng, tiến độ, an toàn lao động, môi trường xây dựng; giám sát thi công; nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình.

2. Phương pháp xác định:

Đối với công trình đơn giản, có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế có sẵn đã áp dụng trên địa bàn cấp huyện là **2,69%** nhân với chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong dự toán xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với các dự án đầu tư xây dựng tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu và các thôn, bản đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ thì chi phí quản lý dự án đầu tư xây dựng xác định theo tỷ lệ nêu trên và nhân với hệ số điều chỉnh $k = 1,35$.

Điều 4. Mức hỗ trợ và nguồn vốn

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% các chi phí theo quy định tại Điều 2 và Điều 3 Quyết định này.

2. Nguồn vốn thực hiện: Dự án sử dụng nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia nào thì cân đối từ nguồn vốn của chương trình đó để thực hiện. Đối với dự án lồng ghép nguồn vốn của nhiều Chương trình MTQG thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị quy định cơ chế huy động nguồn lực và lồng ghép nguồn vốn giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia với các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong việc lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình đơn giản đối với các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc chuyên ngành quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình đơn giản của các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trên địa bàn do mình quản lý.

b) Giao cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác lập, thẩm định hồ sơ xây dựng công trình đơn giản khi Ủy ban nhân dân cấp xã không đủ điều kiện năng lực để thực hiện.

c) Bảo đảm cân đối, bố trí đủ nguồn vốn từ ngân sách để hỗ trợ các chi phí theo mức hỗ trợ quy định tại Điều 4 quy định này.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản của các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trên địa bàn do mình quản lý hoặc đề nghị cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ việc lập hồ sơ trong trường hợp gặp khó khăn.

b) Tổ chức thẩm định hồ sơ xây dựng công trình đơn giản được áp dụng cơ chế đặc thù trên địa bàn do mình quản lý theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp không đủ năng lực để thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc tổ chức thẩm định.

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc quản lý và tổ chức thực hiện các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trên địa bàn do mình quản lý.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **16/11/2022**.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Vụ pháp chế - Bộ Xây dựng (báo cáo);
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp (báo cáo);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh (báo cáo);
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh (báo cáo);
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh Quảng Trị;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH. 

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hưng